TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2026/HNGĐ - ST
Ngày 06/3/2026
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi và ông Lương Quang Toán

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Anh – Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2025/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Anh Lý Tiến Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị N và anh Lý Tiến Đ qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30/10/2012. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống ở

thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang). Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xảy ra cãi vã, dẫn tới ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Kể từ khi ly thân, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Lý Tiến Đ.

- Về con chung: Có 02 con là Lý Thị H Hân sinh ngày 15/12/2012 và Lý Văn Đ1, sinh ngày 06/12/2018, hiện nay 02 con đang ở cùng chị N. Khi ly hôn chị N đề nghị giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Lý Tiến Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Đ và chị Ma Thị N qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2012 đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30/10/2012. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống ở Bản P, xã T, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang). Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc cho đến khoảng tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã. Vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không thể khắc phục được nên đã ly thân từ tháng 12 năm 2021 (chị N sống tại nhà chung của vợ chồng ở thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang, còn anh Đ đi làm nghề tự do tại địa phương khác). Kể từ khi ly thân thì vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc gì với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Đ nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lý Thị Hiếu H1, sinh ngày 15/12/2012 và Lý Văn Đ1, sinh ngày 06/02/2018, hiện nay 02 con đang ở cùng chị N. Khi ly hôn, anh Đ có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Nếu 02 con có nguyện vọng theo mẹ khi bố mẹ ly hôn, chị N có đề nghị được quyền nuôi dưỡng 02 con và chị N đảm bảo được quyền lợi của các con thì anh Đ nhất trí để chị N nuôi dưỡng 02 con và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lý Tiến Đ đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gì khác gửi đến Tòa án (anh Đ đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị N, cho chị Ma Thị N được ly hôn anh Lý Tiến Đ.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lý Thị H Hân sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lý Văn Đ1, sinh ngày 06/12/2018 cho chị Ma Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lý Tiến Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định.

+ Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Chị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định (với lý do là hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí); anh Đ không phải chịu án phí.

+ Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Lý Tiến Đ; Anh Lý Tiến Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lý Tiến Đ vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị N và anh Lý Tiến Đ là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30/10/2012. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn B, xã T, huyện L (nay là thôn B, xã B), tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, anh Lý Tiến Đ xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị là thực tế và đã trầm trọng nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N. Tại biên bản xác minh với trưởng thôn B và đại diện hộ gia đình thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị phát sinh từ khoảng cuối năm 2021, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2021. Xác định kể từ khi ly thân giữa anh chị đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị N, cho chị N được ly hôn anh Lý Tiến Đ.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lý Thị H Hân sinh ngày 15/12/2012 và Lý Văn Đ1, sinh ngày 06/12/2018, 02 cháu ở cùng chị N và bố mẹ đẻ của anh Đ (ông Lý Kim P và bà Đặng Thị N1) kể từ tháng 12/2021 cho đến nay. Hằng ngày việc sinh hoạt, học tập của các con đều do chị N cùng ông P, bà N1 trực tiếp chăm lo. Còn anh Đ đi làm xa nhà, mỗi

năm chỉ về nhà khoảng 01-02 lần, thậm chí có năm ngày tết anh Đ cũng không có mặt tại gia đình. Khi ly hôn, chị N đề nghị được quyền trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy 02 con chung đã ở cùng chị N từ tháng 12/2021, anh Đ thường xuyên vắng nhà, ít có sự quan tâm đối với con, 02 con đều có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn, do vậy cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao 02 con chung cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Ma Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định (với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí); anh Lý Tiến Đ không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị N.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Ma Thị N được ly hôn anh Lý Tiến Đ *(Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 30/10/2012 tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã B, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lý Thị H Hân sinh ngày 15/12/2012 và cháu Lý Văn Đ1, sinh ngày 06/12/2018 cho chị Ma Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lý Tiến Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Anh Lý Tiến Đ không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh Tuyên Quang;*
- *VKSND khu vực 3 - Tuyên Quang;*
- *THA Dân sự tỉnh Tuyên Quang;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã Bình An (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lợi - Lương Quang Toán **Dương Văn Tiến**